

Số: 52 /2024/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 15 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ khoản 3 Điều 178 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 430/TTr-STNMT ngày 26 tháng 8 năm 2024, Văn bản số 8818/STNMT-ĐĐ ngày 27 tháng 9 năm 2024 và Văn bản số 9411/STNMT-ĐĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; trừ trường hợp xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa, đất lâm nghiệp và diện tích khu đất có đất nông nghiệp sử dụng kết hợp trong thửa đất có đất ở.



Đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 4 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, cụ thể: Đất xây dựng công trình gắn liền với khu sản xuất nông nghiệp gồm đất xây dựng nhà nghỉ, lán, trại để phục vụ cho người lao động; đất xây dựng công trình để bảo quản nông sản, chứa thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ và các công trình phụ trợ khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng, nông nghiệp và các cơ quan khác có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân và các đối tượng khác có liên quan sử dụng đất nông nghiệp.

Điều 3. Diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp

1. Diện tích khu đất (tổng diện tích của một hoặc nhiều thửa đất liền kề) từ 500 m² (năm trăm mét vuông) đến dưới 5.000 m² (năm nghìn mét vuông) được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 25 m² (hai mươi lăm mét vuông).

2. Diện tích khu đất từ 5.000 m² (năm nghìn mét vuông) đến dưới 10.000 m² (mười nghìn mét vuông) được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 50 m² (năm mươi mét vuông).

3. Diện tích khu đất từ 10.000 m² (mười nghìn mét vuông) đến dưới 50.000 m² (năm mươi nghìn mét vuông) được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 75 m² (bảy mươi lăm mét vuông).

4. Diện tích khu đất từ 50.000 m² (năm mươi nghìn mét vuông) trở lên được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 100 m² (một trăm mét vuông).

5. Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp được xây dựng tại nhiều vị trí trong khu đất nhưng tổng diện tích không vượt quá quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2024.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này, tổng hợp các khó khăn vướng mắc, đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức chỉ đạo thực hiện, kiểm tra, xử lý các trường hợp xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp không đúng quy định; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra tình trạng xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp vi phạm pháp luật trên đất thuộc địa bàn quản lý.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, KTNS. (Phụ lục)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi

